

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Số: 80 /TTMS-NVD
V/v báo cáo tình hình thực hiện kết quả
lựa chọn nhà thầu các thuốc thuộc
Danh mục ĐTTTQG/DPG Quý IV/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ/ngành;
- Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Công ty được lựa chọn trúng thầu.

Thực hiện chế độ báo cáo, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã nhận được báo cáo về tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc thuộc Danh mục đàm phán giá theo Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 và cung ứng thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung Quốc gia theo các Quyết định số 57, 58, 59/QĐ-TTMS ngày 03/8/2022 và số 60, 61, 62/QĐ-TTMS ngày 12/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục thuốc đấu thầu tập trung Quốc gia giai đoạn 2022-2023 đến hết ngày 31/12/2022 của các Nhà thầu và các cơ sở y tế. Trung tâm đã tiến hành tổng hợp, phân tích tình hình thực hiện và kết quả thực hiện theo từng danh mục cụ thể như sau:

1. Về tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu và cung ứng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đàm phán giá đến hết ngày 31/12/2022:

- Giá trị thực hiện từ 06/6/2021 đến hết ngày 31/12/2022 (thời gian thực hiện 19/24 tháng) đạt 56,53% (844 tỷ đồng/1.492,7 tỷ đồng), cụ thể:
 - + Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 10ml có tỷ lệ thực hiện đạt 38,68% (86,3 tỷ đồng/222,9 tỷ đồng);
 - + Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 5ml có tỷ lệ thực hiện đạt 44,95% (8,58 tỷ đồng/19,1 tỷ đồng);
 - + Thuốc Cerebrolysin 215,2mg/ml x 1ml có tỷ lệ thực hiện đạt 21,76% (151,3 triệu đồng/695,6 triệu đồng);
 - + Thuốc Tienam có tỷ lệ thực hiện đạt 65,67% (440,3 tỷ đồng/670,5 tỷ đồng);

+ Thuốc Mabthera 500mg có tỷ lệ thực hiện đạt 44,29% (167,7 tỷ đồng/378,7 tỷ đồng);

+ Thuốc Nexavar có tỷ lệ thực hiện đạt 70,2% (140,9 tỷ đồng/200,7 tỷ đồng).

- Có 06 Sở Y tế tỉnh/thành phố và 01 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ lớn hơn 10 tỷ đồng và tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 31/12/2022 dưới 39,58% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện) (chi tiết tại Bảng 1).

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc thuộc Danh mục Đàm phán giá năm 2020 đến 31/12/2022 tại Phụ lục I gửi kèm theo dạng file excel để các cơ sở y tế và nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết.

2. Về tình hình thực hiện kết quả lựa chọn nhà thầu và cung ứng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung Quốc gia đến hết ngày 31/12/2022:

- Giá trị thực hiện từ 01/9/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (thời gian thực hiện 04/24 tháng) của từng gói thầu, cụ thể:

+ Gói 1: đạt 8,87% (191,7 tỷ đồng/2.162,3 tỷ đồng);

+ Gói 2: đạt 6,50% (81,6 tỷ đồng/ 1.256,4 tỷ đồng);

+ Gói 3: đạt 7,28% (215,8 tỷ đồng/ 2.962,9 tỷ đồng);

- Có 14 Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 100 tỷ, 08 Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ và có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đến hết ngày 31/12/2022 dưới 8,33% (tương đương dưới 50% theo tiến độ thực hiện) (chi tiết tại Bảng 2).

- Báo cáo chi tiết tình hình thực hiện theo từng mặt hàng của từng cơ sở y tế các thuốc đến 31/12/2022 tại Phụ lục II gửi kèm theo dạng file excel để các cơ sở y tế và nhà thầu tra cứu thông tin cần thiết.

3. Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố; Y tế các Bộ/ngành hướng dẫn các cơ sở y tế trực thuộc, Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế và nhà thầu thực hiện một số nội dung như sau:

- Các cơ sở y tế chủ động lập kế hoạch sử dụng và phối hợp với các cơ sở y tế điều tiết đối với các thuốc Biệt dược gốc đàm phán giá theo Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06/6/2021 của Bộ Y tế và đối với các thuốc generic theo Quyết định số 57/QĐ-TTMS, số 58/QĐ-TTMS, số 59/QĐ-TTMS ngày 03/08/2022, Quyết định 60/QĐ-TTMS, số 61/QĐ-TTMS, số 62/QĐ-TTMS ngày 12/08/2022 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia để đảm bảo cung

ứng thuốc cho nhu cầu điều trị và đáp ứng theo quy định về tỷ lệ thực hiện tối thiểu đạt 80% số lượng thuốc được phân bổ.

- Trường hợp nhà thầu không đảm bảo cung ứng thuốc gây ảnh hưởng đến điều trị, các cơ sở y tế xử lý theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu, Trung tâm sẽ xử lý theo quy định tại Điều 117 xử lý tình huống trong đấu thầu của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và xem xét việc đánh giá khả năng cung ứng thuốc của nhà thầu tại Mục 13 - Mặt hàng thuốc được cung ứng bởi nhà thầu có uy tín trong thực hiện hợp đồng của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.


- Các đơn vị chủ động rà soát số liệu, trường hợp có sai sót, báo cáo về Trung tâm để cập nhật số liệu chính xác.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, NVD.

GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Dũng



Bảng 1: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 10 tỷ và tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu danh mục đàm phán giá đến hết ngày 31/12/2022 dưới 50% theo tiến độ

STT	Tên đơn vị	Giá trị được phân bổ (VNĐ)	Giá trị đã cung ứng (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số tháng thực hiện	Tỷ lệ theo tiến độ (%)
I. Sở Y tế/ Đơn vị Mua sắm tập trung địa phương						
1	Sở Y tế thành phố Cần Thơ	30.283.209.160	9.231.639.340	30,48%	19	38,51%
2	Sở Y tế tỉnh Nghệ An	27.252.845.584	10.275.990.100	37,71%	19	47,63%
3	Sở Y tế tỉnh Thanh Hoá	21.204.775.542	8.251.398.130	38,91%	19	49,15%
4	Sở Y tế tỉnh Đồng Nai	14.099.209.624	5.128.895.580	36,38%	19	45,95%
5	Sở Y tế tỉnh Cà Mau	11.713.775.620	3.867.984.360	33,02%	19	41,71%
6	Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phúc	10.749.285.604	2.321.313.480	21,60%	19	27,28%
II. Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế						
1	Bệnh viện Lão khoa TW	14.063.448.000	4.634.223.800	32,95%	19	41,62%



Bảng 2: Danh sách Sở Y tế tỉnh/thành phố có giá trị phân bổ trên 100 tỷ và Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế có giá trị phân bổ trên 20 tỷ có tỷ lệ thực hiện kết quả trúng thầu đầu thầu tập trung đến hết ngày 31/12/2022 dưới 50% theo tiến độ

STT	Tên đơn vị	Giá trị được phân bổ (VNĐ)	Giá trị đã cung ứng (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số tháng thực hiện	Tỷ lệ theo tiến độ (%)
I. Sở Y tế/ Đơn vị Mua sắm tập trung địa phương						
1	Sở Y Tế thành phố Hồ Chí Minh	832.400.031.589	66.200.817.480	7,95%	4	47,72%
2	Sở Y Tế tỉnh Đồng Nai	293.337.613.458	10.981.561.354	3,74%	4	22,46%
3	Sở Y Tế tỉnh Nghệ An	181.638.041.327	7.008.797.422	3,86%	4	23,15%
4	Sở Y Tế tỉnh Kiên Giang	158.644.950.400	6.855.540.885	4,32%	4	25,93%
5	Sở Y Tế tỉnh Vĩnh Long	135.934.909.704	2.902.478.530	2,14%	4	12,81%
6	Sở Y Tế tỉnh Quảng Nam	133.395.274.428	2.005.447.080	1,50%	4	9,02%
7	Sở Y Tế tỉnh An Giang	125.328.220.716	3.754.873.766	3,00%	4	17,98%
8	Sở Y Tế tỉnh Bình Phước	121.217.349.024	4.479.577.386	3,70%	4	22,17%
9	Sở Y Tế tỉnh Đà Nẵng	113.417.275.255	6.437.795.406	5,68%	4	34,06%
10	Sở Y Tế tỉnh Long An	109.301.435.725	8.136.689.444	7,44%	4	44,67%
11	Sở Y Tế tỉnh Hải Dương	105.703.454.544	7.047.258.706	6,67%	4	40,00%
12	Sở Y Tế tỉnh Cà Mau	101.769.074.708	8.009.374.418	7,87%	4	47,22%
13	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	101.342.278.852	6.989.559.377	6,90%	4	41,38%
14	Sở Y Tế tỉnh Bình Dương	100.550.759.008	7.715.995.119	7,67%	4	46,04%
II. Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế						
1	Bệnh viện Bạch Mai	96.831.326.200	6.652.333.728	6,87%	4	41,22%
2	Bệnh viện Thống Nhất	78.753.939.648	4.800.236.747	6,10%	4	36,57%
3	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	39.594.944.720	1.557.445.370	3,93%	4	23,60%
4	Bệnh viện Phổi Trung ương	38.229.390.300	2.447.460.005	6,40%	4	38,41%
5	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	29.592.693.144	1.012.055.000	3,42%	4	20,52%
6	Bệnh viện E	29.372.087.280	1.791.065.224	6,10%	4	36,59%
7	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	24.834.449.600	1.401.793.960	5,64%	4	33,87%
8	Viện Huyết học - Truyền máu TW	22.151.045.600	1.467.944.400	6,63%	4	39,76%